

Số: /2024/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển vốn hỗ trợ trong cộng đồng, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 9 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển vốn hỗ trợ trong cộng đồng, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 và thay thế Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Quy định tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Đồng thời, Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh hướng dẫn thực hiện Tiểu Dự án 1, Dự án 3 - hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp và Quyết định số 1054/QĐ-UBND-HC ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung một số khoản của Quyết định số 305/QĐ-UBND-HC ngày 17 tháng 3 năm 2023 hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Trường hợp các dự án liên kết theo chuỗi giá trị; dự án của cộng đồng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Quyết định này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ngành Tỉnh có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND Tỉnh;
- Lãnh đạo UBND Tỉnh;
- Các sở, ban, ngành Tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng TTĐT Tỉnh, Công báo Tỉnh, Báo Đồng Tháp, Đài PT&TH Đồng Tháp;
- Lưu: VT, VX (Tuyen).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Huỳnh Minh Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển vốn hỗ trợ trong cộng đồng, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án trong hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp:

1. Tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển vốn hỗ trợ trong cộng đồng, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

2. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn đối với dự án, kế hoạch liên kết (*sau đây gọi là dự án*) trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21 và dự án, phương án sản xuất, dịch vụ (*sau đây gọi là dự án*) của cộng đồng quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 và khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng quy định tại điểm b, khoản 2 và điểm a, khoản 3 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính

phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Chương II

QUY ĐỊNH TỶ LỆ QUAY VÒNG, TRÌNH TỰ LUÂN CHUYỂN VỐN HỖ TRỢ TRONG CỘNG ĐỒNG; QUY TRÌNH THEO DÕI, GIÁM SÁT CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO VỐN

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo phù hợp điều kiện thực tiễn, năng lực quản lý, tổ chức thực hiện cấp cơ sở và của người dân.

2. Vốn quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng được sử dụng để hỗ trợ thực hiện tái đầu tư hoặc phát triển mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

3. Bảo toàn 100% vốn quay vòng tại khoản 2 Điều 4 Quy định này, khi thực hiện luân chuyển trong cùng một dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt; sử dụng hiệu quả nguồn vốn và không gây thất thoát ngân sách nhà nước.

4. Đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ trong thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Điều 4. Hình thức, tỷ lệ và thời gian quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ

1. Hình thức quay vòng vốn: Bằng tiền.

2. Tỷ lệ vốn quay vòng bằng 30% vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng theo từng dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

3. Thời gian quay vòng vốn

a) Thời gian quay vòng vốn: theo chu kỳ sản xuất (*tùy theo mô hình sản xuất nhưng không quá 36 tháng*).

b) Thời điểm thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn: Trong thời hạn 15 ngày làm việc, tính từ thời điểm kết thúc chu kỳ sản xuất, đại diện tổ, nhóm cộng đồng thực hiện thu hồi vốn quay vòng theo quy định tại Khoản 2 Điều này để xem xét, hỗ trợ cho các thành viên khác trong cùng dự án có nhu cầu sử dụng vốn quay vòng để tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Trường hợp các thành viên trong tổ, nhóm cộng đồng tiếp tục có nhu cầu sử dụng vốn quay vòng để tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất (*thực hiện chu kỳ sản xuất tiếp theo*), thì nộp đơn đề nghị sử dụng vốn quay vòng đến đại diện tổ, nhóm cộng đồng, để được tổ, nhóm cộng đồng xem xét, cho tiếp tục sử dụng vốn quay vòng.

Điều 5. Trình tự luân chuyển vốn trong cộng đồng

1. Trong thời gian thực hiện dự án, các thành viên tổ, nhóm cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng và luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

2. Tổ chức họp bình xét danh sách thành viên được luân chuyển

a) Thành phần cuộc họp: Đại diện tổ nhóm cộng đồng chủ trì, đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã (*nếu có*); cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (*nếu có*); các thành viên tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án.

b) Cách thức tiến hành: Tổ chức họp tổ, nhóm cộng đồng (*có ít nhất 2/3 số thành viên tham gia dự án có mặt*) để thảo luận lựa chọn thành viên được luân chuyển vốn trong số các thành viên tham gia dự án.

c) Chọn lựa thành viên được luân chuyển vốn quay vòng: Đại diện tổ, nhóm cộng đồng thông qua tổng số vốn quay vòng để tất cả các thành viên được biết, thảo luận và đăng ký. Trường hợp có nhiều thành viên cùng đăng ký thì cuộc họp biểu quyết để quyết định chọn thành viên được nhận vốn quay vòng; trong đó, ưu tiên cho người đăng ký theo thứ tự là hộ nghèo (*trong đó, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo*), hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; nội dung cuộc họp được lập thành biên bản.

3. Căn cứ biên bản họp tổ, nhóm cộng đồng và danh sách các thành viên được chọn tại điểm c khoản 2 Điều này, đại diện tổ, nhóm cộng đồng tiến hành luân chuyển vốn quay vòng theo quy định tại Điều 3 và Điều 4 Quy định này.

4. Thời hạn thực hiện luân chuyển là 05 ngày làm việc sau khi đã có kết quả họp bình xét.

5. Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền, nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại kho bạc nhà nước để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (*nếu có*) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

Điều 6. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện dự án

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thực hiện quy trình theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động quản lý, tổ chức quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng theo đúng quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025.

Chương III
QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, MẪU HỒ SƠ, TIÊU CHÍ
LỰA CHỌN DỰ ÁN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

Điều 7. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*)

1. Trình tự, thủ tục

a) Thông báo lựa chọn hồ sơ đề nghị dự án

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo lựa chọn hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở chính của cơ quan, đơn vị về: tên dự án; nội dung hoạt động dự án; thời gian thực hiện; nguồn kinh phí; thời hạn đăng ký; địa chỉ tiếp nhận đề xuất; hình thức tiếp nhận.

b) Lập hồ sơ đề nghị dự án

Đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề nghị thực hiện dự án theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này.

Khi lập hồ sơ đề nghị dự án, đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến tổ chức thực hiện dự án để khảo sát lựa chọn nội dung hoạt động, đối tượng tham gia, địa bàn thực hiện dự án bảo đảm phù hợp với quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này.

Đơn vị chủ trì liên kết gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị dự án đến cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

c) Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của đơn vị chủ trì liên kết, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị dự án chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo, nêu rõ lý do bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho đơn vị chủ trì liên kết. Trường hợp hồ sơ đề nghị dự án đã đầy đủ theo quy định, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trình Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét thẩm định.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này từ cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định dự án và cơ quan, đơn vị, bộ phận giúp việc cho Hội đồng (trong trường hợp Hội đồng thẩm định dự án chưa được thành lập theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)* và Hội đồng thẩm định dự án tổ chức thẩm định dự án.

Thành phần Hội đồng thẩm định dự án và nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP *(được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP)* và phù hợp với tiêu chí lựa chọn dự án tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị dự án không đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo và nêu rõ lý do bằng văn bản cho đơn vị chủ trì liên kết được biết.

d) Phê duyệt dự án

Nếu hồ sơ đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

2. Mẫu hồ sơ đối với hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

a) Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị;

b) Mẫu số 02: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết;

c) Mẫu số 03: Dự án liên kết theo chuỗi giá trị.

(Mẫu hồ sơ kèm theo tại Phụ lục I kèm theo Quy định này)

3. Tiêu chí lựa chọn dự án

a) Hồ sơ đề nghị dự án của đơn vị chủ trì liên kết phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

b) Mục tiêu, đối tượng, nội dung đề xuất của đơn vị chủ trì liên kết phải phù hợp với quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 3 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và nội dung đã thông báo tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Hồ sơ đề nghị dự án phải đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 8. Trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án của cộng đồng quy định tại Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*)

1. Trình tự, thủ tục

a) Thông báo lựa chọn hồ sơ đề nghị dự án

Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo lựa chọn hồ sơ đề nghị dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông hoặc trên trang tin điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở chính của cơ quan, đơn vị về: tên dự án; nội dung hoạt động dự án; thời

gian thực hiện; nguồn kinh phí; thời hạn đăng ký; địa chỉ tiếp nhận đề xuất; hình thức tiếp nhận.

b) Lập hồ sơ đề nghị dự án

Cộng đồng dân cư phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến triển khai dự án để lập hồ sơ đề nghị dự án theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này. Thành lập tổ, nhóm cộng đồng, cử người làm đại diện tổ, nhóm cộng đồng và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

Đại diện tổ nhóm cộng đồng gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị dự án đến cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

c) Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của đại diện tổ, nhóm cộng đồng, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị dự án chưa đầy đủ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo, nêu rõ lý do bằng văn bản và trả lại hồ sơ cho đại diện tổ, nhóm cộng đồng. Trường hợp hồ sơ đề nghị dự án đã đầy đủ theo quy định, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*) để xem xét, thẩm định.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này từ cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan có thẩm quyền tổ chức thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

Thành phần Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án và nội dung thẩm định thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*) và phù hợp với tiêu chí lựa chọn dự án tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp hồ sơ đề nghị dự án không đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo và nêu rõ lý do bằng văn bản cho đại diện tổ, nhóm cộng đồng được biết.

d) Phê duyệt dự án

Nếu hồ sơ đủ điều kiện phê duyệt, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

2. Mẫu hồ sơ dự án

a) Mẫu số 01: Biên bản họp cộng đồng dân cư;

b) Mẫu số 02: Bản cam kết của thành viên tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng;

c) Mẫu số 03: Danh sách thành viên tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng;

d) Mẫu số 04: Dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng;

đ) Mẫu số 05: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

(Mẫu hồ sơ kèm theo tại Phụ lục II kèm theo Quy định này)

3. Tiêu chí lựa chọn dự án

a) Hồ sơ đề nghị dự án của tổ, nhóm cộng đồng đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

b) Mục tiêu, đối tượng, nội dung đề xuất của tổ, nhóm cộng đồng phải phù hợp với quy định tại khoản 2 và điểm a, khoản 3 Mục III Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025 và nội dung đã thông báo tại điểm a, khoản 1 Điều này.

c) Hồ sơ đề nghị dự án phải đảm bảo yêu cầu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành tỉnh

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của Dự án 2 về đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan triển khai thực hiện Quy định này; tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng theo quy định.

c) Thường xuyên theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo quy định hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh về kết quả thực hiện dự án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất của Tiểu Dự án 1, Dự án 3 về hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, giai đoạn 2021 - 2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng theo quy định.

c) Thường xuyên theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo quy định hoặc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Tỉnh về kết quả thực hiện dự án.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện kiểm tra, giám sát công tác triển khai, kết quả thực hiện dự án và quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện quay vòng, luân chuyển vốn theo Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và đối tượng tham gia dự án

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 6 Điều 21 và khoản 6 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 và khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

b) Căn cứ dự toán được giao, thực hiện phân bổ, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện dự án theo quy định.

c) Chỉ đạo tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát các hoạt động quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng của từng dự án trên địa bàn theo quy định.

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất kết quả thực hiện dự án trên địa bàn; kết quả hoạt động quay vòng một phần vốn ngân sách nhà nước đã hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp, hỗ trợ cộng đồng dân cư lập hồ sơ dự án và tổ chức thực hiện dự án phải phù hợp với nội dung Quy định này.

b) Đôn đốc, hướng dẫn đại diện tổ, nhóm cộng đồng và các thành viên tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng đảm bảo đúng tỷ lệ, thời hạn theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Phối hợp, hỗ trợ thực hiện hoạt động giám sát theo quy định, kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

3. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên

a) Đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên kết thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 21 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

b) Đại diện tổ, nhóm cộng đồng và các thành viên thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 7 Điều 22 của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ (*được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP*).

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để cùng phối hợp báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân Tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Phụ lục I
MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN
KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH ĐỒNG THÁP

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị;
- Mẫu số 02: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết;
- Mẫu số 03: Dự án liên kết theo chuỗi giá trị.

TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ XUẤT DỰ ÁN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... , ngày tháng năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Kính gửi:⁽¹⁾

Tên đơn vị Chủ trì liên kết đề xuất dự án, kế hoạch liên kết:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số/quyết định thành lập: ngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:

Căn cứ chính sách Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.....,(tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án)..... đề nghị⁽¹⁾:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Loại sản phẩm, dịch vụ:
2. Địa bàn thực hiện:
3. Quy mô dự án, kế hoạch liên kết:
4. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung và kinh phí đề nghị hỗ trợ (thuyết minh chi tiết nội dung, mức kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước)

2. Tổng vốn, kinh phí đề xuất hỗ trợ:

Chi tiết các năm đề xuất hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. CAM KẾT:(tên đơn vị chủ trì liên kết đề xuất dự án)..... cam kết:

1. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

...../.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

Hôm nay, ngày tháng năm , tại:
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Đơn vị tham gia liên kết thứ nhất:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số:vngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:Email:

2. Đơn vị tham gia liên kết thứ hai:

- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số: ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:Email:

3. Đơn vị liên kết thứ ...:

4. Cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác:

- Ông/bà:
- Ông/bà:

.....

(Liệt kê hoặc lập danh sách có chữ ký kèm theo nếu số lượng đối tượng liên kết nhiều)

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị chủ trì liên kết như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT:

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm, dịch vụ thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:

4. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. VỐN THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Tổng vốn thực hiện dự án, kế hoạch:

2. Số vốn đề nghị hỗ trợ:

3. Đối ứng của các bên tham gia liên kết:

(Bao gồm cả vốn bằng tiền hoặc hiện vật của người dân tham gia liên kết được quy đổi thành tiền)

4. Các nguồn vốn khác:

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)

2. Các cam kết cho trường hợp phát sinh sửa đổi các nội dung được thỏa thuận
 Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ bản, chủ trì dự án liên kết bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....(đơn vị/ông/bà).....

a) Thông tin chung về đơn vị tham gia liên kết

- Người đại diện theo pháp luật:
- Số CCCD/CMND: ngày cấp.....
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số:ngày cấp
- Địa chỉ:
- Điện thoại:Fax:Email:

b) Thông tin chứng minh năng lực của đơn vị tham gia liên kết:

c) Mức đóng góp vốn đối ứng của đơn vị tham gia liên kết:

(Kèm theo bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết).

3. Đơn vị liên kết thứ ...:(Thông tin cần ghi rõ tương tự các đơn vị trên)..

B. Đối với trường hợp bên tham gia liên kết là cá nhân, hộ gia đình thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác

1. Số lượng người dân, hộ gia đình là đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia tham gia liên kết:

2. Các tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác:

(Kèm theo biên bản ký kết giữa chủ trì liên kết và người dân tham gia liên kết).

III. SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án, kế hoạch liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU, THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Mục tiêu chung:
2. Mục tiêu cụ thể: (trong đó dự kiến số hộ thoát nghèo, tăng thu nhập cụ thể)....
3. Thời gian triển khai:
4. Địa điểm, quy mô:

II. NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động

a) Hoạt động 1:

- Phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ;
- Dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia;
- Trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động.
- Các chỉ số đầu ra gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án, kế hoạch liên kết.

b) Hoạt động (như trên)

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

Làm rõ tổng mức kinh phí cần huy động, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước; vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của các bên liên kết hoặc phần đóng góp của người dân bằng tiền hoặc hiện vật quy đổi thành tiền, vốn tín dụng).

3. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện dự án theo năm ngân sách và đến thời điểm kết thúc dự án, kế hoạch liên kết (ước chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế xã hội địa phương theo năm kế hoạch và thời điểm kết thúc dự án).

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Đề xuất chi tiết nội dung, mức vốn, thời gian hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; nêu rõ phương án mua sắm trang vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

IV. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT TRÁCH NHIỆM TRONG THỰC HIỆN DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án; nội dung và chi phí hỗ trợ cho gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. Dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có) và các nội dung khác có liên quan.

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

(Kèm bản sao công chứng hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm; bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của đơn vị đề xuất dự án; hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan).

Phụ lục II
MẪU HỒ SƠ THỰC HIỆN HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG
ĐỒNG ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

*(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

- Mẫu số 01: Biên bản họp cộng đồng dân cư;
- Mẫu số 02: Bản cam kết của thành viên tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng;
- Mẫu số 03: Danh sách thành viên tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng;
- Mẫu số 04: Dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng;
- Mẫu số 05: Đơn đề nghị về việc hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng.

UBND XÃ.....
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày tháng...năm.....

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày... tháng... năm, tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) tổ chức họp để: (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần tham dự: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia (Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể, tổng số lượng đối tượng tham gia: ...)

- Đơn vị chủ trì.....

Ông/bà:..... Chức vụ (chủ trì)

Ông/bà... (thư ký cuộc họp)

- Đại diện UBND cấp xã:

Ông/ bà..... chức vụ.....

Ông/ bà..... chức vụ.....

- Đại diện cơ quan, đơn vị được giao vốn:

Ông/ bà..... chức vụ.....

Ông/ bà..... chức vụ.....

- Đại diện tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đối với trường hợp tổ, nhóm cộng đồng do chính trị - xã hội làm đại diện):

Ông/ bà..... chức vụ.....

- khóm/Ấp

Ông/bà..... Chức vụ: Trưởng ấp

Ông/bà..... Chức vụ: ấp

.....các thành phần khác (nếu có).....

- Tổng số người tham gia dự họp:..... người.

- Tổng số hộ dân:/..... hộ tham gia.

2. Nội dung cuộc họp:

- Phổ biến dự án, phương án: kế hoạch, nguồn kinh phí dự án, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**BẢN CAM KẾT CỦA THÀNH VIÊN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG THAM
GIA DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG**

1. Họ và tên:.....
2. Địa chỉ: khóm/ấp, xã....., huyện.....
3. Số CCCD/CMND:, do cơ quan công an..... cấp, ngày....
tháng..... năm 20.....
4. Số điện thoại:.....
5. Thuộc đối tượng (hộ nghèo, cận nghèo, thoát nghèo....):

TÔI XIN CAM KẾT NHƯ SAU:

1. Tự nguyện, tích cực tham gia thực hiện vào các nội dung của Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
2. Đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án.
3. Cam kết đảm bảo phần đối ứng của gia đình tham gia thực hiện dự án và thực hiện luân chuyển vốn quay vòng theo phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền.
4. Cam kết thực hiện nguồn vốn được hỗ trợ theo đúng mục đích đã đăng ký và nội dung dự án, phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện. Trong thời gian triển khai thực hiện, nếu sử dụng nguồn vốn sai mục đích đăng ký ban đầu tôi sẽ nộp lại toàn bộ nguồn vốn đã được hỗ trợ.
4. Nếu vi phạm cam kết, tôi xin chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Cam kết này được lập thành 03 bản có giá trị như nhau. UBND cấp xã giữ 01 bản; Tổ trưởng/nhóm trưởng giữ 01 bản, cá nhân giữ 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM
CỘNG ĐỒNG**
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN HỘ THAM GIA
(ký, ghi rõ họ tên)

UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....ngày tháng...năm.....

DANH SÁCH THÀNH VIÊN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG THAM GIA DỰ
ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG
Danh sách thành viên(tên tổ, nhóm).....

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Ngày tháng năm sinh	Nhân khẩu	Số lao động	Địa chỉ (k/ấp, xã)	Thuộc đối tượng (ĐT1: HN dân tộc thiểu số; ĐT2: HN có người có công với cách mạng; ĐT3: phụ nữ thuộc hộ nghèo; ĐT4: hộ nghèo; ĐT5: hộ cận nghèo; ĐT6: hộ mới thoát nghèo ĐT7: người khuyết tật; ĐT8: hộ khác (Mã hộ)	Thuộc đối tượng (ĐT1-hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, hộ khác/Mã hộ)	Chức danh	Tổng vốn (đồng)	Vốn đăng ký (đồng)	Vốn Đối ứng của hộ (đồng)	Mô hình (nuôi bò, cá, trồng ớt, ...)	Ghi chú
		Tổ trưởng/ người đại diện					Có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi.....
		Tổ phó/phó nhóm					
	ĐT1 (0123)	HN/0001	Thành viên	

Xác nhận của UBND xã/phường/thị trấn
 (ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....

.....

Đại diện tổ, nhóm cộng đồng
 (ký, ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT, DỊCH VỤ CỦA CỘNG ĐỒNG
Dự án..... (tên dự án)xã/p/tt..... giai đoạn....

I. THÔNG TIN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

1. Đại diện tổ, nhóm cộng đồng

- Tên người đại diện:

- Số CCCD/CMND:, cơ quan cấp, ngày cấp.

- Địa chỉ liên hệ:

- Số điện thoại liên lạc:

2. Số lượng thành viên tổ, nhóm cộng đồng:

3. Đối tượng tham gia:

(kèm theo danh sách thành viên tổ, nhóm cộng đồng)

II. THÔNG TIN DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN

1. Mục tiêu chung:

2. Mục tiêu cụ thể:... (dự kiến số hộ thoát nghèo)

3. Thời gian triển khai:

4. Địa bàn thực hiện:

III. NỘI DUNG DỰ ÁN, PHƯƠNG ÁN

1. Nội dung, mức kinh phí cụ thể cho từng hoạt động:

1.1. Hoạt động:(tên mô hình).....

1.1.1. Kế hoạch sản xuất, kinh doanh, phương án tiêu thụ sản phẩm:

1.1.2. Điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất:

1.1.3. Tổng chi phí hoạt động:

1.1.4. Đề nghị mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

1.1.5. Cam kết đối ứng:

1.1.6. Dự toán chi tiết: nội dung chi, đơn vị, số lượng, đơn giá, thành tiền;

(lập bảng kê nội dung chi tiết chi phí thực hiện hoạt động)

1.1.7. Phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ ngân sách nhà nước;

1.1.8. Kết quả thực hiện dự án (dự kiến kết quả đầu ra của hoạt động gồm tổng doanh thu, lợi nhuận sau khi trừ chi phí; năng suất tăng, sản lượng tăng, thu nhập tăng thêm mỗi hộ;):

1.1.9. Hình thức luân chuyển, cách thức quản lý hiện vật hoặc tiền luân chuyển quay vòng trong cộng đồng:

1.1.10. Nhu cầu đào tạo, tập huấn về kỹ thuật:

1._. Hoạt động(bao gồm các nội dung như trên).....

2. Tổng chi phí thực hiện dự án, phương án:

Tổng chi phí dự án: đồng. Trong đó:

- Tổng vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước: đồng.

- Vốn đối ứng của tổ, nhóm cộng đồng: đồng.

3. Các rủi ro và giải pháp tài chính xử lý rủi ro (nếu có):

4. Tổ chức thực hiện dự án:

5. Các nội dung liên quan khác (nếu có):

ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CU'

(ký, ghi rõ họ tên)

UBND
TỔ, NHÓM CỘNG
ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày....tháng...năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ dự án, phương án sản xuất, dịch vụ của cộng đồng

Kính gửi: (1)

Căn cứ.....

Căn cứ biên bản họp ngày..... thángnăm

.... (tên tổ nhóm cộng đồng) đề xuất dự án, phương án gồm các nội dung sau:

Tên tổ, nhóm cộng đồng:.....

Người đại diện (tổ trưởng, trưởng nhóm):

- Tên người đại diện:

- Số CCCD/CMND:, cơ quan cấp, ngày cấp.

- Địa chỉ liên hệ:

- Số điện thoại liên lạc:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững,(tên tổ, nhóm cộng đồng).... đề nghị (cơ quan, đơn vị được giao vốn) xem xét và trình thẩm định dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án, phương án:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Số hộ tham gia:

4. Thời gian thực hiện dự kiến:

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....

.....

.....
 2. Tổng vốn đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ: đồng.

(Bằng chữ:)

3. Cam kết đối ứng vốn của tổ nhóm cộng đồng: đồng.

(Bằng chữ:)

III. CAM KẾT:(tên tổ, nhóm cộng đồng)..... cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cam kết thực hiện vốn đúng mục đích theo đăng ký ban đầu, khi dự án, phương án đã phê duyệt, nếu thành viên tham gia dự án sử dụng vốn sai mục đích sẽ thu hồi và xét chọn hộ khác theo quy định.

4. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia dự án, phương án theo nội dung đã đăng ký và dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Cam kết thực hiện cơ chế quay vòng, luân chuyển một phần vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và thu hồi vốn quay vòng theo dự án, phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND xã/phường/thị trấn;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG
(TỔ TRƯỞNG)
(Ký, ghi họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾ Tên cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất